

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-11-2019.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Dũng

Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 196/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Việt H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 39, Ấp 1, xã T, thành phố L, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Số 09, khóm T, phường P, thành phố L, tỉnh T.

Bị đơn: Trương Thị D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 39, Ấp 1, xã T, thành phố L, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 06, ấp T, xã Đ, thành phố L, tỉnh T.

Anh H có mặt tại phiên tòa, chị D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Việt H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Việt H và chị Trương Thị D kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố L, tỉnh T.

Trong thời gian chung sống anh H và chị D không hợp nhau, không đồng quan điểm. Tình cảm vợ chồng phai nhạt theo thời gian, anh H nhận thấy anh H không còn tình cảm với chị D, không xây dựng hạnh phúc vợ chồng được nữa. Anh H và chị D không sống chung từ khoảng tháng 02 năm 2018 cho đến nay. Từ ngày không sống chung đến nay anh H và chị D không quan tâm nhau, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng. Đến thời điểm này, anh H và chị D là vợ chồng trên danh nghĩa giấy tờ kết hôn nhưng thực chất hôn nhân thực tế không còn. Nay anh Nguyễn Việt H yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị D.

Con chung: Anh Nguyễn Việt H và chị Trương Thị D có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 01/4/2003 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/8/2007. Hiện nay con chung tên Nguyễn Thị Như Y đang sống chung anh H, con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N đang sống chung chị D.

Khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y, anh H không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y. Anh H đồng ý chị D được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo văn bản ý kiến ngày 30/10/2019 bị đơn Trương Thị D trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị D và anh Nguyễn Việt H kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị Trương Thị D đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Việt H.

Con chung: Chị Trương Thị D và Nguyễn Việt H có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 01/4/2003 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày

13/8/2007. Hiện nay con chung tên Nguyễn Thị Như Y đang sống chung anh H, con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N đang sống chung chị D.

Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N. Chị D đồng ý anh H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y, chị D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trương Thị D nhưng chị D không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Việt H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Trương Thị D có địa chỉ tại thành phố L, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Chị Trương Thị D hiện đang có mặt tại nơi cư trú theo xác nhận của Công an xã Đ; Tòa án nhân dân thành phố L đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D nhưng chị D không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời không có mặt tại phiên tòa hôm nay. Anh H đồng ý việc xét xử vắng mặt chị D tại phiên tòa theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Việt H và chị Trương Thị D được xác lập vào năm 2003, do anh H và chị D tự nguyện và thừa nhận, có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố L,

tình Đ nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Việt H cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị D. Tại văn bản ý kiến ngày 30/10/2019, chị D đồng ý ly hôn với anh H nhưng chị D không có mặt tại phiên tòa để trình bày về quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh H và chị D có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Việt H, anh Nguyễn Việt H được ly hôn với chị Trương Thị D, theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Xét con chung*: Anh Nguyễn Việt H và chị Trương Thị D có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 01/4/2003 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/8/2007. Hiện nay, con chung tên Nguyễn Thị Như Y đang sống chung anh H, con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N đang sống chung với chị D. Nay, anh H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y, anh H đồng ý chị D được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N. Tại văn bản ý kiến ngày 30/10/2019, chị D yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, chị D đồng ý anh H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y nhưng chị D không có mặt tại phiên tòa để trình bày về việc nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Như Y, từ khi anh H và chị D không sống chung với nhau cho đến nay, con chung tên Nguyễn Thị Như Y sống chung và gần gũi với anh H, đã sống với anh H ổn định thời gian dài và phát triển tốt về mọi mặt và con chung tên Nguyễn Thị Như Y có nguyện vọng được sống chung với anh H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 01/4/2003 cho anh H trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, từ khi anh H và chị D không sống chung với nhau cho đến nay, con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N sống chung và gần gũi với chị D, đã sống với chị D ổn định thời gian dài và phát triển tốt về mọi mặt và con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N có nguyện vọng được sống chung với chị D nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/8/2007 cho chị D trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y, anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N. Tại văn bản ý kiến ngày 30/10/2019, chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, chị D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y nhưng chị D không có mặt tại phiên tòa để trình bày về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Xét tài sản chung và nợ chung*: Anh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Tại văn bản ý kiến ngày 30/10/2019, chị D trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nhưng chị D không có mặt tại phiên tòa để trình bày về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí*: Anh Nguyễn Việt H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trương Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Việt H, anh Nguyễn Việt H được ly hôn với chị Trương Thị D.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Việt H.

Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 01/4/2003 cho anh H trực tiếp nuôi, hiện con chung tên Nguyễn Thị Như Y đang sống chung với anh Nguyễn Việt H.

Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/8/2007 cho chị D trực tiếp nuôi, hiện con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N đang sống chung với chị Trương Thị D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Anh Nguyễn Việt H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005146 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Trương Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Anh Nguyễn Việt H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trương Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- UBND xã T, TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên